

Số: 68/2021/QĐST-KDTM

Đ, ngày 18 tháng 5 năm 2021.

**Q ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải Q toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 160/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 11 N 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc giải Q toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Q ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng N.**

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Quang Hạnh - Trưởng Phòng Khách hàng hộ sản xuất và cá nhân - Ngân hàng N - Chi nhánh Đ.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh N 1971.

Địa chỉ: Khu 6, thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, TP Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Đình L**, sinh N 1960.

- Bà **Dương Thị Ngọc L**, sinh N 1970.

Cùng địa chỉ: Lô 41 – BT3, bán Đảo Linh Đ, phường Hoàng L, quận Hoàng M, thành Phố Hà Nội.

- Bà **Lê Thị N**, sinh N 1965.

Địa chỉ: Khu 7, thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, TP Hà Nội.

- Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh N 1959

Địa chỉ: Số 4 ngõ 2 phố Đại T, phường Thịnh L, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bà Lê Thị M, bà Lê Thị N, ông Nguyễn Đình L, bà Dương Thị Ngọc L là ông **Nguyễn Hoàng H**, sinh N 1984, địa chỉ: Khu 6, thôn Thụy L, xã Thụy L, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký kết:**

Các bên đều thống nhất Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3140-LAV-201901025 ngày 30/01/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2019/VBSĐBSHĐTD ngày 23/12/2019 và các Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng gồm:

- 3140LDS201908964 ngày 24/6/2019;
- 3140LDS201909429 ngày 04/7/2019;
- 3140LDS201909797 ngày 11/07/2019;
- 3140LDS201911646 ngày 21/8/2019;
- 3140LDS201912767 ngày 16/9/2019;
- 3140LDS201913686 ngày 01/10/2019;

được ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Đ với bà Lê Thị M là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 898/TC/2016 ngày 29/7/2016 tại Văn phòng Công chứng Đ được ký kết giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Đ với bà Lê Thị N (do ông Nguyễn Đình L, bà Dương Thị Ngọc L ủy quyền) là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp.

*** Về tổng dư nợ gốc và nợ lãi:**

Các bên đều thống nhất số tiền nợ tính đến hết ngày 07/5/2021 tại Agribank Chi nhánh Đ là:

- Tổng dư nợ gốc: 11.820.000.000 đồng
- Tổng dư nợ lãi: 1.929.990.821 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn: 1.781.903.835 đồng; Lãi quá hạn: 148.086.986 đồng).
- Tổng dư nợ gốc và lãi: 13.749.990.821 đồng.

*** Về tài sản thế chấp:**

Các bên thống nhất tài sản thế chấp đảm lãnh cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3140-LAV-201901025 ngày 30/01/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2019/VBSĐBSHĐTD ngày 23/12/2019 và các Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 16, diện tích 228m² tại địa chỉ Tổ 9, phường Thịnh L, quận Hoàng M, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **AD 525419** do UBND Quận Hoàng M, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2005 mang tên ông Nguyễn Đình L cùng vợ là bà Dương Thị Ngọc L. Ngày 02/8/2016, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận Hoàng M chứng nhận việc thế chấp bằng quyền sử dụng đất nêu trên đã được đăng ký theo quy định của pháp luật.

*** Về phương thức và thời gian trả nợ:**

Các bên thống nhất về phương thức và thời gian trả nợ như sau:

Trong N 2021, bà Lê Thị M phải trả cho Ngân hàng N tổng số nợ theo phương án cụ thể:

+ Từ tháng 5/2021 đến hết tháng 11/2021: Mỗi tháng trả 20.000.000 đồng vào ngày 22 hàng tháng.

+ Ngày 22/12/2021: Trả hết toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại và số tiền nợ lãi kèm theo tính đến hết ngày 07/5/2021.

- Kể từ ngày 08/5/2021, bị đơn tiếp tục phải chịu các khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201901025 ngày 30/01/2019; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2019/VBSĐBSHĐTD ngày 23/12/2019 và các Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- Số tiền bị đơn bà M nộp được trong thời gian từ khi có Q định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sẽ được ưu tiên thu vào theo trật tự gốc trước, lãi sau.

- Trong trường hợp bị đơn bà M vi phạm một trong các nghĩa vụ đã thỏa thuận tại biên bản này coi như vi phạm toàn bộ nghĩa vụ, Nguyên đơn Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm, cụ thể: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 16, diện tích 228m² tại địa chỉ Tổ 9, phường Thịnh L, quận Hoàng M, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **AD 525419** do UBND Quận Hoàng M, thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2005 mang tên ông Nguyễn Đình L cùng vợ là bà Dương Thị Ngọc L.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bị đơn đối với Nguyên đơn Ngân hàng N. Trong trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ và lãi phát sinh thì bị đơn bà Lê Thị M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp phải thi hành án đối với thửa đất thế chấp: Do ông Q xây dựng trái phép trên đất thế chấp, ông Q không có yêu cầu độc lập, ông Q tự nhận hành vi của mình là sai nên không yêu cầu bồi thường. Phần công trình xây dựng trái phép của ông Nguyễn Văn Q trên thửa đất thế chấp ông Q cam kết tự di chuyển, tháo dỡ.

* **Về án phí:** Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 60.874.995 đồng. Nguyên đơn, Bị đơn mỗi bên phải chịu 30.437.498 đồng (*Ba mươi triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi tám đồng*) tiền án phí sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Số tiền án phí sơ thẩm là 30.437.498 đồng Ngân hàng N phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0017946 ngày 04/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Trả lại cho Nguyên đơn 30.091.502 đồng (*Ba mươi triệu, không trăm chín mươi một nghìn, năm trăm linh hai đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Q định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Q định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Thúy Hà